TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 41/2019/DS-ST
Ngày:29-11-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa*tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2018/TLST-DS ngày 26/12/2018 về việc*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 18, đường Trần Hữu D, phường M, quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, sinh năm 1959 – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Xuân M, sinh năm 1978. Địa chỉ: Đường Trần Văn T, Khu Phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền số 15/NHNo ngày 06/7/2018).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Lệ Q, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An.

(Ông M có mặt; bà Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn do ông Bùi Xuân M đại diện yêu cầu khởi kiện: Vào ngày 22/12/2016, ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD để vay vốn của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện TH (gọi tắt là Ngân hàng) với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai triệu đồng), thời hạn vay 12 (mười hai) tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 22/12/2017, mục đích nuôi cá, sản xuất lúa và mua sắm vật dụng sinh hoạt, lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra hợp đồng còn thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên, phương thúc giải ngân và bảo đảm số tiền vay… Để bảo đảm số tiền vay theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng, giữa bà Q và ông T cùng Ngân hàng ký hợp đồng gia hạn hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 115D186 ngày 08/12/2015 để thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 644, tờ bản đồ 17, diện tích 20.255 m^2, loại đất RSX, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 468369, số vào sổ cấp giấy 03406QSDĐ/1104-LA đất tọa lạc tại xã T củ (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay ông M đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông T và bà Q có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện TH số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính từ ngày 20/12/2016 đến ngày 29/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 35.733.334 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 11.783.333 đồng (mười một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Cộng cả gốc và lãi là 167.516.667 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 644, diện tích 20.255 m^2, loại đất RTS, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 468369, số vào sổ cấp giấy 03406QSDĐ/1104-LA thế chấp theo hợp đồng số 115D186, đất tọa lạc tại xã T củ (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản tín dụng vay, đề nghị tiếp tục việc thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án và thu hồi nợ của Ngân hàng.

Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Lệ Q và ông nguyễn Quang T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông T và bà Q thừa nhận có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD để vay vốn của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện TH (gọi tắt là Ngân hàng) với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai triệu đồng), thời hạn vay 12 (mười hai) tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 22/12/2017, mục đích nuôi cá, sản xuất lúa và mua sắm vật dụng sinh hoạt, lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đồng thời có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 644, tờ bản đồ 17, diện tích

20.255 m^2, loại đất RSX, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 468369, số vào sổ cấp giấy 03406QSDĐ/1104-LA đất tọa lạc tại xã T củ (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay này. Từ khi vay đến nay ông T và bà Q chưa thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng là đúng.

Nay Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông T và bà Q có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký, ông T và bà Q đồng ý nhưng xin hẹn đến khi bán được nhà sẽ trả cho Ngân hàng.

Tình trạng tài sản thế chấp: Đối với phần tài sản thế chấp theo biên bản thỏa thuận ngày 22/12/2016 về việc sử dụng lại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 115D186 ngày 08/12/2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối thửa đất số 644, diện tích 20.255 m^2, loại đất RTS, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W468369, số vào sổ cấp giấy 03406QSDĐ/1104-LA, đất tọa lạc tại xã T củ (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất. Qua xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 26/6/2019, thì hiện nay về hiện trạng đối với thửa đất số 644, diện tích 20.255 m^2, loại đất RTS, không có gì thay đổi so với lúc thế chấp. Hiện nay, ông T và bà Q đang trực tiếp quản lý sử dụng để trồng tràm cừ, trên đất hiện đang có tràm cừ khoảng 03 đến 04 năm tuổi.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng gồm có (Giấy đề nghị vay vốn; Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; Hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD ngày 22/12/2016; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 115D186 ngày 08/12/2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 644; Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của ông T và bà Q; Biên bản thỏa thuận ngày 22/12/2016; Giấy báo nợ quá hạn ngày 22/12/2017 và các biên bản kiểm tra và xử lý nợ qua hạn ngày 25/12/2017; ngày 02/4/2018; 04/5/2018; 02/7/2018); Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 bản phô tô; Bảng kê tính lãi vay ngày 13/11/2018; Bản tự khai của ông M ngày 13/11/2018.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai của bà Q ngày 25/3/2019.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2019; biên bản lấy lời khai ông T ngày 10/10/2019.

Các tình tiết vụ án:

- Ngân hàng cùng ông T và bà Q thống nhất vào ngày 22/12/2016, ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số

116D120/HĐTD để vay vốn của Ngân hàng với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai triệu đồng), thời hạn vay 12 (mười hai) tháng, lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay, ông T và bà Q không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nào (bao gồm nợ gốc và tiền lãi), tính từ ngày 22/12/2016 đến ngày 29/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm).

- Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T và bà Q trả nợ bao gồm cả nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp tín dụng, ông T và bà Q đồng ý nhưng hẹn khi nào bán được nhà đất sẽ trả cho Ngân hàng.

- Tại Phiên tòa nguyên đơn không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

- Tòa án sau khi thụ lý vụ án, đã mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Ngân hàng, bà Q và ông T thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, ông T và bà Q đã không đến Tòa án theo đúng lịch triệu tập, sau khi có lời khai ông T và Q có đề nghị vắng mặt nên vụ án không hoà giải được.

Do vụ án không thể hòa giải được, vì vậy Tòa án sau khi tiến hành thu thập củng cố tài liệu, chứng cứ đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho các đương sự nhưng ông T vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền lợi cho đương sự vắng mặt và quyết định mở lại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 29/11/2019. Tòa án tiếp tục tống đạt quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019 cho các đương sự nhưng tại phiên tòa lần thứ 2 ông Thông vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án như sau:

- Về hoạt động tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã xác định đúng tư cách đương sự tham gia tố tụng, quan hệ tranh chấp, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật.

+ Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định về của pháp luật khi tham gia tố tụng, nên Kiểm sát viên không có đề nghị hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Theo lời trình bày của ông M thì ngày 22/12/2016, ông T và bà Q có đến Ngân hàng N – Chi nhánh huyện TH để vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng. Hai bên ký hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD, đồng thời để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông T và bà Q cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 644, tờ bản đồ số 17, diện tích 20.255 m^2, loại đất RTS, đất tọa lạc tại xã T trước đây (nay là xã TA), huyện TH, tỉnh Long An. Sau khi ký hợp đồng và vay tiền xong, ông T và bà Q đã vi phạm hợp đồng. Ông T và bà Q không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận và để số nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện để ông T và bà Q trả nợ nhưng ông T và bà Q không thực hiện nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với ông T và bà Q thừa nhận nợ như những gì Ngân hàng khởi kiện là đúng, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây thuộc trường hợp chứng cứ rõ ràng không cần phải chứng minh. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng do ông M đại diện là có cơ sở chấp nhận.

+ Về trách nhiệm trả nợ: Do vợ chồng ông T và bà Q cùng đứng tên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền, thừa nhận nợ và đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự buộc ông T và bà Q cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ đó căn cứ vào các điều 688, 468, 288 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về dân sự giữa pháp nhân với cá nhân, bị đơn là ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q vay tiền của Ngân hàng N để phát triển kinh tế gia đình, ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nêntheo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD ngày 22/12/2016 kết hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn ông Bùi Xuân M và các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng

và bị đơn đã xác lập giao kết hợp đồng dân sự về vay tài sản. Sau khi thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Trần Thị Lệ Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Nguyễn Quang T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt mà không có lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về pháp luật nội dung áp dụng: Hợp đồng được ký kết thực hiện năm 2016, nhưng có nội dung không trái với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự 2015 nên căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật này thì pháp luật nội dung áp dụng cho việc giải quyết vụ án là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà Q có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện TH số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính từ ngày 20/12/2016 đến ngày 29/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 35.733.334 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 11.783.333 đồng (mười một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Cộng cả gốc và lãi là 167.516.667 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 644, diện tích 20.255m^2, loại đất RTS, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 468369, số vào sổ cấp giấy 03406QSDĐ/1104-LA thế chấp theo hợp đồng số 115D186, đất tọa lạc tại xã T (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản tín dụng vay, đề nghị tiếp tục việc thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án và thu hồi nợ của Ngân hàng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này Ngân hàng cung cấp bộ hồ sơ vay vốn của ông T và bà Q tại Ngân hàng gồm Hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD ngày 22/12/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 115D186 ngày 08/12/2015; Giấy báo nợ quá hạn ngày 22/12/2017 và các biên bản kiểm tra và xử lý nợ qua hạn ngày 25/12/2017; ngày 02/4/2018; 04/5/2018; 02/7/2018 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện:

Ngày 22/12/2016, bà Trần Thị Lệ Q và ông Nguyễn Quang T có ký kết hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD để vay vốn của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện TH (gọi tắt là Ngân hàng) với số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 (mười hai) tháng, ngày đến hạn trả vào ngày 22/12/2017, mục đích sản xuất lúa, nuôi cá, mua sắm vật dụng sinh hoạt, lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra hợp đồng còn thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên, phương thức giải ngân và bảo đảm số tiền vay….. Để bảo đảm số tiền vay theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng, ngày 22/12/2016, giữa bà Q và ông T cùng Ngân hàng ký biên bản thỏa thuận sử dụng lại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 115D186 ngày 08/12/2015 để thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 644, thuộc tờ bản đồ số 17, diện tích 20.255 m^2, loại đất RTS, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 468369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03406QSDĐ/1104-LA đất tọa lạc tại xã T (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất.

Qua lời khai của bà Q và biên bản lấy lời khai của ông T do Tòa án thu thập thể hiện: Ông T và bà Q thừa nhận nợ như những gì Ngân hàng trình bày là đúng. Ông T và bà Q đồng ý trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng từ ngày vay cho đến khi trả nợ cho Ngân hàng, nhưng xin khi nào bán được ngôi nhà thì sẽ trả.

Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và không cần phải chứng minh.

Sau khi được giải ngân, ông T và bà Q đã vi phạm hợp đồng. Kể từ khi vay cho đến khi hết thời hạn vay là 12 tháng, bà Q và ông T không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở và tạo điều kiện trả nợ, nhưng ông T và bà Q vẫn không trả mà cố tình kéo dài, dẫn đến nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng, điều này được thể hiện thông qua Giấy báo nợ quá hạn ngày 22/12/2017 và các biên bản kiểm tra và xử lý nợ qua hạn ngày 25/12/2017; ngày 02/4/2018; 04/5/2018; 02/7/2018. Do đó Ngân hàng khởi kiện đòi lại tài sản cho vay để chấm dứt hợp đồng tín dụng, xử lý nợ nhằm bảo vệ quyền lợi cho Ngân hàng là phù theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về lãi suất: Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 116D120/HĐTD ngày 22/12/2016 thể hiện hai bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn thỏa thuận lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với số tiền lãi mà

Ngân hàng yêu cầu được thể hiện tại Bảng kê tính lãi ngày 29/11/2019 thể hiện chi tiết cách thức, thời gian tính lãi của từng loại, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Qua thẩm tra xem xét, tính và đối chiếu thấy rằng số tiền lãi mà Ngân hàng đã tính là chính xác, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng ông T và bà Q cùng đứng tên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền, thừa nhận nợ và đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự buộc ông T và bà Q cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ các phân tích đánh giá nói trên có đủ căn cứ để nhận nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi còn phải trả.

Đối với tài sản mà bà Q và ông T thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 115D186 ngày 08/12/2015 và Biên bản thỏa thuận sử dụng lại hợp đồng thế chấp ngày 22/12/2016 để bảo cho khoản nợ vay, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục việc thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án và thu hồi nợ là hợp lý.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đã tạm ứng và chi số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bà Q và ông T trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Lệ Q và ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 20 Luật phí, lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N –Chi nhánh TH số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 35.733.334 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 11.783.333 đồng (mười một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Cộng cả gốc và lãi số tiền là 167.516.667 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Lệ Q và ông Nguyễn Quang T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 116D120HĐTD ngày 22/12/2016 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Đối với tài sản mà bà Q và ông T thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 115D186 ngày 08/12/2015 và Biên bản thỏa thuận sử dụng lại hợp đồng thế chấp ngày 22/12/2016 để bảo cho khoản nợ vay là thửa đất số 644, thuộc tờ bản đồ số 17, diện tích 20.255 m^2, loại đất RTS, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 468369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03406QSDĐ/1104-LA đất tọa lạc tại xã T (nay thuộc xã TA), huyện TH, tỉnh Long An do bà Trần Thị Lệ Q đứng tên quyền sử dụng đất,tiếp tục việc thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án và thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh TH số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị Lệ Q phải chịu 8.376.000 đồng (tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước (chưa nộp).

Ngân hàng N không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.713.000 đồng (ba triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004402 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo toàn bộ bản án. Đương sự có mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn là 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

5. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CCTHADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đình Ngân